

BẢNG ĐIỂM HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020-2021
CT TIẾNG ANH TÍCH HỢP - TRƯỜNG THCS NGUYỄN GIA THIỀU
LỚP NGT 6.1

STT	Họ và tên	Tiếng Anh		Toán		Sinh	Lý
		Điểm KTGK	Điểm KTCK	Điểm KTTX	Điểm KTGK	Điểm KTGK	Điểm KTGK
1	Nguyễn Trần Khả Ái	10	9.8	10	8.5	10	7.5
2	Nguyễn Phan Hải Anh	9.8	8.5	8.3	8.3	5.8	8.8
3	Dương Như Anh	8	8.8	7.3	7	5.3	6.8
4	Ngô Tâm Anh	8.8	9	8.5	9.3	7	8.5
5	Phan Thanh Bình	8.8	9.8	9	9.3	6.3	9
6	Trần Khang Duy	8.3	8.8	9.3	10	7.5	10
7	Hoàng Đoàn Minh Đạt	8	7.8	9.3	9.3	7	7.8
8	Lại Chí Đức	10	10	9.3	10	9.8	8
9	Nguyễn Hồng Hạnh	9	9.3	9.8	9.5	8.8	8
10	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	5.5	7	6	6.8	4.5	4
11	Phạm Ngọc Hân	9	8.8	9.8	10	7	7.3
12	Nguyễn Minh Hoàng	6.5	7.3	6.8	7.8	4.5	5.8
13	Trần Bảo Huy	8	8	8.8	9.8	5.3	4.5
14	Đinh Hoàng Kha	8.5	9	9.8	10	9.3	10
15	Xa Nhật Khang	9.5	9	10	10	10	10
16	Nguyễn Trần Yên Khanh	6.5	8	9	7.8	5.3	4
17	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	8.8	8.3	7.3	8	5.3	6.3
18	Trần Minh Khôi	10	9.5	10	10	10	9.8
19	Nguyễn Võ Nhất Lãm	9.3	9.5	8	10	10	9.8
20	Nguyễn Khánh Linh	8.8	8.8	9.3	8.5	4.5	8.3
21	Nguyễn Đức Duy Long	10	9.8	10	10	9.8	10
22	Bùi Ngọc Khánh Ly	7	7	6.5	4.8	5.8	4
23	Nguyễn Lê Kim Ngọc	10	10	10	9.8	8.8	10
24	Ngô Nguyễn Ái Nhân	7.5	8.5	8.5	10	5.3	6.5
25	Trần Trí Nhân	9	9.8	8.8	9	8.8	9.8
26	Giản Thúy Phương	9.5	9	9	10	6.3	6.3
27	Chu Minh Quân	9.8	9.8	9.3	10	10	9.8
28	Phạm Phúc Thành	10	10	10	10	9.8	10
29	Hoàng Phương Thảo	8.8	9.5	9.5	8.5	4.5	8
30	Hồ Phạm Ngọc Trâm	9	9.3	10	9.3	9.8	7.3
31	Lê Đình Vĩnh Trí	10	10	10	10	10	9.8
32	Trần Đỗ Cát Tường	8	8	7.3	8	4.5	5.8
33	Hà Xuân Việt	6.5	6.8	6.5	5.8	4	4.5
34	Nguyễn Công Vinh	8.5	8	9.5	7.8	5.3	9
35	Hà Thanh Vy	9.8	10	9.8	10	7.5	10

TP. HCM, ngày 17 tháng 5 năm 2021

Giám đốc Chương trình

